

KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ CỦA CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

● TRƯỞNG CÔNG GIÁP

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh phát triển nông nghiệp ở nhiều quốc gia đang hướng tới phát triển bền vững, nông nghiệp hữu cơ nổi lên thành một xu hướng được nhiều quốc gia theo đuổi. Nghiên cứu này được tiến hành nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp hữu cơ từ một số quốc gia hàng đầu như Pháp, Đan Mạch, Đức, Australia, Nhật Bản. Có 4 bài học chính được rút ra, đó là: (1) Xây dựng hệ thống chính sách rõ ràng cho nông nghiệp hữu cơ; (2) Thiết lập các cơ chế hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ từ tất cả các bên; (3) Xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ; (4) Mở rộng thị trường nội địa thông qua nâng cao nhận thức của người tiêu dùng. Bài viết này xin chia sẻ những kinh nghiệm giúp hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp hữu cơ của một số nước trên thế giới.

Từ khóa: phát triển nông nghiệp hữu cơ, bài học kinh nghiệm, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp hữu cơ là một lĩnh vực có cạnh tranh nông nghiệp đòi hỏi phải có yêu cầu sự đầu tư lâu dài và bài bản. Trên thế giới hiện nay theo ước tính có tổng cộng khoảng 69,8 triệu ha được quản lý hữu cơ vào cuối năm 2017. Xếp đầu những nhóm nước có diện tích nông nghiệp lớn nhất là Úc (35,6 triệu ha), tiếp theo là Argentina (3,4 triệu ha) và Trung Quốc (3 triệu ha). Châu Âu cũng đang cho thấy một xu hướng tích cực với 14,6 triệu ha đất đang được dành riêng cho sản xuất hữu cơ. Với nhiều ưu điểm là sản phẩm được làm

ra hoàn toàn sạch và an toàn do có quy trình canh tác bền vững và thân thiện với môi trường, nông sản hữu cơ đã nhanh chóng chiếm được nhiều sự quan tâm của người dân. Song khó khăn cản trở sản phẩm hữu cơ đến tay người tiêu dùng hiện nay nằm ở cả người sản xuất và người tiêu dùng. Sản lượng nông sản hữu cơ hiện nay cũng không được cao, làm cho giá thành nông sản hữu cơ thường sẽ đắt hơn từ 2-3 lần so với các sản phẩm cùng loại. Đầu tư nông nghiệp hữu cơ cũng đòi hỏi vốn và diện tích canh tác lớn, thời gian hoàn vốn lâu, thị trường tiêu thụ lại không ổn định, nên người sản xuất rất dễ nản chí.

Người tiêu dùng hiện nay muốn sử dụng các sản phẩm sạch, tuy nhiên thông tin, tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm hữu cơ vẫn chưa phổ biến. Điều này càng khiến việc sản xuất khó có được thị trường bền vững.

Để phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, cần giải quyết ưu tiên 4 vấn đề chính, gồm: (1) Chứng nhận chất lượng; (2) Phát triển thị trường; (3) Hỗ trợ đầu tư nghiên cứu và đào tạo nhân lực; (4) Có cơ chế chính sách thúc đẩy nông nghiệp hữu cơ có hiệu quả.

Việt Nam hiện nay có 2 loại hình sản xuất sản phẩm hữu cơ chính, đó là doanh nghiệp tư nhân và nhóm hộ nông dân. Doanh nghiệp tư nhân chủ yếu áp dụng các tiêu chuẩn hữu cơ quốc tế để tạo ra các sản phẩm phục vụ xuất khẩu và các thành phố lớn. Nhóm các hộ nông dân chủ yếu sản xuất hữu cơ theo tiêu chuẩn của Hệ thống đảm bảo sự tham gia (PGS) để tạo ra các sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa. Mặc dù thị trường nông sản hữu cơ ở Việt Nam được đánh giá là có sự gia tăng ổn định, nhưng người tiêu dùng vẫn chưa đặt niềm tin thực sự vào sản phẩm hữu cơ, do có nhiều vi phạm trong sản xuất và chế biến thực phẩm. Trong những năm tới, mặc dù còn rất nhiều khó khăn và thách thức, Việt Nam luôn coi phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ là một xu thế tất yếu, nhằm góp phần đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, bài báo sẽ tập trung phân tích kinh nghiệm từ những quốc gia có mức độ phát triển nông nghiệp hữu cơ hàng đầu thế giới và khu vực, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm về phát triển nông nghiệp hữu cơ cho Việt Nam.

2. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp hữu cơ trên thế giới

2.1. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp hữu cơ của Pháp

Theo Chính phủ Pháp, việc đưa vào triển khai và vận hành các chương trình phát triển các sản phẩm hữu cơ sẽ chiếm 15% tổng sản xuất nông sản vào năm 2020 và chiếm 20% đầu vào phục

vụ trong các tổ chức khác như bệnh viện, trường học. Chính phủ Pháp đã cho thực thi 3 công cụ tài chính giúp hỗ trợ mục tiêu này, bao gồm: Tăng ngân sách hỗ trợ người nông dân để chuyển đổi sang sản xuất nông sản hữu cơ, từ 0,7 tỷ Euro lên 1,1 tỷ Euro cho giai đoạn 2018 - 2022; Tăng gấp 2 lần Quỹ “hữu cơ cho tương lai” từ 4 triệu Euro lên 8 triệu Euro mỗi năm, được điều phối bởi Cơ quan Hữu cơ (OrganicAgency) có trách nhiệm thúc đẩy sản xuất nông sản hữu cơ; Cuối cùng là mở rộng ưu đãi tín thuế hữu cơ, từ 2.500 Euro lên 3.500 Euro.

Đặc biệt, thêm vào đó là việc Chính phủ có liên minh hợp tác với Liên minh hợp tác nông nghiệp AXERREAL đã tham gia cùng người nông dân sản xuất các sản phẩm nông sản sạch. Trước mỗi mùa thu hoạch, Liên minh hợp tác xã sẽ bao tiêu đầu ra cho sản phẩm, nên người nông dân yên tâm sản xuất. Điều này đã giúp người nông dân ổn định cuộc sống và có thu nhập tốt hơn. Cũng chính nhờ sự ổn định giá mà thị trường nông sản được chứng nhận organic hữu cơ tại Pháp đang có mức tăng mạnh. Pháp là thị trường thực phẩm hữu cơ lớn thứ hai của EU, sau Đức, đạt doanh số 10,9 tỷ Euro.

2.2. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp hữu cơ của Đan Mạch

Đan Mạch có kế hoạch hành động hữu cơ thông qua vào năm 2011, diện tích canh tác hữu cơ của nước này đã tăng hơn 57% và doanh số bán sản phẩm các sản phẩm hữu cơ đã tăng lên gấp 2 lần. Hiện nay, Đan Mạch là quốc gia có thị trường nông sản hữu cơ chiếm tỷ lệ cao nhất trên thế giới và là quốc gia đầu tiên có thị phần sản phẩm nông sản hữu cơ đạt 13,3%. Đặc biệt, riêng sản phẩm trứng hữu cơ đạt khoảng 30% giá trị của tất cả trứng được bán ở một số quốc gia.

Chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ của Đan Mạch đã góp phần quan trọng trong thành công của nước này. Đan Mạch cũng là nước đầu tiên trên thế giới thiết lập các quy tắc cho canh tác hữu cơ, logo quốc gia và hệ thống kiểm tra chất

lượng sản phẩm. Trong 2 năm 2018 và 2019, chính phủ Đan Mạch đã có kế hoạch chi 147 triệu Euro để hỗ trợ sản xuất hữu cơ và giúp nông dân chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ. Đến nay, có đến 98% người dân Đan Mạch nhận diện được logo hữu cơ quốc gia, gần 80% người dân sử dụng các sản phẩm nông sản hữu cơ và hơn một nửa dân số sử dụng thực phẩm hữu cơ mỗi ngày. Các nhà chính trị Đan Mạch cũng đang thúc đẩy hỗ trợ tài chính để đưa nông sản hữu cơ vào bếp ăn công cộng. Copenhagen là thủ đô có tỷ lệ các bếp ăn công cộng sử dụng thực phẩm hữu cơ cao nhất thế giới, đạt gần 90%.

2.3. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp hữu cơ của Đức

Ngay từ những năm 2002, Đức đã có kế hoạch canh tác hữu cơ organic. Liên đoàn Công nghiệp Thực phẩm hữu cơ Đức (BOLW) cũng được ra đời. Cho đến năm 2010, nhãn hiệu hữu cơ được xác nhận sản phẩm đạt chất lượng để giới thiệu đến công chúng. Đất sử dụng trồng cây phải đảm bảo không sử dụng bất kỳ loại phân bón nào trong vòng 3 năm gần nhất.

Đặc biệt, sau vụ sự cố trứng gà bị nhiễm độc trong năm 2014, người dân Đức lại càng quan tâm hơn đến các sản phẩm nông sản sạch. Đức đạt 10 tỷ Euro, chiếm gần 1/3 thị trường châu Âu khi đó (37,3 tỷ Euro) và lớn nhất khối EU với tổng giá trị thị trường đạt 34,3 tỷ Euro. Thị trường nông sản hữu cơ lớn nhất thế giới là Mỹ (40 tỷ Euro).

Nước Đức nhận khoảng 1,4 tỷ Euro mỗi năm từ EU qua trụ cột này. Đến năm 2030, Chính phủ Đức hướng đến nâng tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp phục vụ sản xuất hữu cơ từ mức 9% hiện nay lên 20%.

2.4. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp hữu cơ của Australia

Tại Australia, hai tổ chức chịu trách nhiệm đại diện cho lợi ích của ngành sản xuất hữu cơ là Liên đoàn Hữu cơ Australia (The Organic Federation of Australia) và Hiệp hội Thương nhân hữu cơ Australia (Australian Organic Traders Association).

Tại Australia có hoạt động tổ chức vào mùa xuân hàng năm, là một hoạt động thúc đẩy nhận thức về các sản phẩm hữu cơ gọi là Australian Organic Awareness Month (AOAM). Hoạt động này nhằm truyền tải tầm quan trọng của các sản phẩm hữu cơ được chứng nhận đối với sức khỏe người tiêu dùng và môi trường. Các sản phẩm hữu cơ như thực phẩm, mỹ phẩm, đồ uống... sẽ được liên tục cập nhật và phổ biến chất lượng đến người tiêu dùng, từ đó thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm hữu cơ từ phía người dân. Trong năm 2021, nhu cầu của người dân Australia đối với các sản phẩm hữu cơ đang tăng mạnh, với doanh số đạt 1,98 tỷ USD tại thị trường nội địa. Tổng giá trị kim ngạch sản xuất hữu cơ của Australia đến nay ước đạt 2,6 tỷ USD và vẫn đang tăng trưởng hàng năm.

2.5. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp hữu cơ của Nhật Bản

Sản phẩm hữu cơ đầu tiên xuất hiện trên thị trường Nhật Bản vào những năm 1970. Tại thời điểm đó, chưa có một văn bản hay hướng dẫn nào về canh tác hữu cơ được ban hành. Đến năm 1992, Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF) đã ban hành một hướng dẫn cách thức canh tác cần tuân thủ để có thể được dán nhãn “hữu cơ”. Nhưng điều đó mới chỉ dừng lại ở hướng dẫn, chưa trở thành một công cụ hành pháp có thể thỏa mãn cả người tiêu dùng và nhà sản xuất (Yokoi, 2003).

MAFF đã ban hành một cơ chế giám sát và công nhận về sản xuất hữu cơ và nhãn sản phẩm hữu cơ. Đến năm 2001, nhãn sản phẩm hữu cơ “JAS Organic” chính thức được áp dụng, trở thành một tiêu chuẩn pháp lý cho sản phẩm hữu cơ. MAFF đã hỗ trợ các chính quyền địa phương giúp đỡ các nhóm nông dân địa phương về mặt kỹ thuật và lên kế hoạch sản xuất cũng như đẩy mạnh nghiên cứu về máy nông nghiệp, quản lý dịch hại và bảo vệ thực vật trong canh tác hữu cơ (Yokoi, 2003). MAFF cũng ban hành Luật ủng hộ việc Giới thiệu các thực hành sản xuất nông nghiệp bền vững năm 1999, với quy định cho phép các nông dân có kế

hoạch sản xuất nông nghiệp hữu cơ được tiếp cận Quỹ Cải thiện Nông nghiệp (Täumer, 2015). Thông qua các quỹ hỗ trợ của chính phủ và cộng đồng, nông dân canh tác hữu cơ sẽ được trợ cấp tài chính để có thể tập trung nguồn lực cho sản xuất. Một điều nữa giúp nông nghiệp hữu cơ phát triển ở Nhật Bản đó chính là sự tồn tại của các cơ quan hỗ trợ và cung cấp thông tin về sản xuất hữu cơ. Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Nhật Bản (JOAA) là một trong số ít các diễn đàn cấp quốc gia cung cấp sự trợ giúp cũng như thông tin về nông nghiệp hữu cơ cho nông dân (Täumer, 2015). Ngoài ra, còn có nhiều tổ chức ở các cộng đồng cũng đóng vai trò tương tự.

Một nguyên nhân khác dẫn đến sự phát triển ngày càng cao của nông nghiệp hữu cơ ở Nhật Bản đó là nhận thức của người tiêu dùng. Mặc dù không được đưa chính thức vào chương trình giáo dục, nhưng nhiều trường học ở Nhật Bản đã lồng ghép nông nghiệp hữu cơ vào chương trình giảng dạy (Täumer, 2015). Điều này là do vào năm 2006, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) đã quy định trong Đạo luật Cơ bản về Giáo dục rằng các trường học phải “nuôi dưỡng thái độ tôn trọng cuộc sống, quan tâm đến thiên nhiên và góp phần bảo vệ môi trường” (Ministry of Education, 2006). Bên cạnh đó, các trang trại cũng được khuyến khích triển khai các hoạt động giáo dục liên quan đến nông nghiệp hữu cơ thông qua việc tiếp cận các sinh viên đại học (Hill & Kubota, 2007). Kết quả của những điều này đó là sự phát triển, dù chưa thực sự mạnh mẽ, của thị trường sản phẩm hữu cơ của Nhật Bản (Täumer, 2015). Đến năm 2017, tổng giá trị thị trường sản phẩm hữu cơ của Nhật Bản đạt 1,4 tỷ Euro, lớn thứ hai sau Trung Quốc tại khu vực châu Á và ngày càng nhiều nông dân Nhật Bản quan tâm hơn đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ (Willer & Lernoud, 2019).

3. Một số bài học kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp hữu cơ

Từ kinh nghiệm có được qua nghiên cứu vấn đề phát triển nông nghiệp hữu cơ ở các nước trên

thế giới, trong phần này, tác giả đã tiến hành tổng hợp một số định hướng cho phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Một là, các nước có sự phát triển mạnh về sản xuất nông nghiệp hữu cơ như Pháp, Đan Mạch, Đức, Australia đều hình thành nên một môi trường pháp lý rõ ràng cho nông nghiệp hữu cơ. Điều này thể hiện qua các tiêu chuẩn về sản xuất hữu cơ và nhãn sản phẩm hữu cơ được hình thành từ rất sớm. Từ đó, chính phủ các quốc gia này có thể xây dựng khung pháp lý cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động canh tác hữu cơ, cũng như là cơ sở để các nhà sản xuất có thể xác định vị thế của sản phẩm hữu cơ so với sản phẩm phi hữu cơ. Đây cũng là tiêu chí giúp người tiêu dùng nội địa có thể phân biệt và an tâm khi sử dụng các sản phẩm hữu cơ. Ngoài ra, với các nước đang phát triển, việc xây dựng một tiêu chuẩn hữu cơ bám sát vào tiêu chuẩn của các thị trường lớn như Pháp, Đan Mạch, Đức hay Australia chính là động lực nâng cao khả năng xuất khẩu sản phẩm hữu cơ thông qua cạnh tranh bằng chất lượng.

Hai là, cần có cơ chế chính sách hỗ trợ canh tác hữu cơ, từ cả phía chính phủ lẫn cộng đồng. Tại Pháp, Đan Mạch, Đức, chính phủ có những chính sách hỗ trợ nhà sản xuất hữu cơ thông qua việc đầu tư mạnh về nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật. Trong khi ở Nhật Bản các tổ chức cấp cộng đồng hoặc chính quyền địa phương là tác nhân hỗ trợ chính giúp nhà sản xuất tiếp cận được thông tin (cả công nghệ lẫn thị trường) về nông nghiệp hữu cơ. Việc hỗ trợ bằng tiền thông qua việc cắt giảm hay miễn chi phí đăng ký nhãn sản phẩm hữu cơ cũng được nhiều quốc gia áp dụng. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ cho các sản phẩm phi hữu cơ cũng phải tiến hành cắt giảm tiến tới chấm dứt hẳn, từ đó giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm hữu cơ.

Ba là, đa phần các quốc gia đi đầu về nông nghiệp hữu cơ đều hình thành được chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ. Và

hình thức liên kết được đánh giá là chặt chẽ nhất đó là thông qua các hợp đồng canh tác (contract farming). Các hợp đồng này sẽ giúp nhà sản xuất đảm bảo được vấn đề tiêu thụ, cũng như giúp các doanh nghiệp kinh doanh kiểm soát được chất lượng sản phẩm. Một kênh tiêu thụ khác cũng được xác lập ở các thị trường như Pháp, Đan Mạch, Đức hay Nhật Bản, đó là các cửa hàng

chuyên biệt kinh doanh các sản phẩm hữu cơ do doanh nghiệp hoặc bản thân các nhà sản xuất thành lập.

Bốn là, phát triển thị trường nội địa thông qua việc nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về lợi ích của sản phẩm hữu cơ với sức khỏe và môi trường. Điều này cần thiết được tiến hành ngay từ bậc học phổ thông như trường hợp của Nhật Bản ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Demiryürek, K., Stopes, C., & Güzel, A. (2008). Organic agriculture: the case of Turkey. *Outlook on Agriculture*, 37(4), 261-267.
2. Golijan, J., & Popović, A. (2016). Basic characteristics of the organic agriculture market. International Conference on Competitiveness of Agro-food and Environmental Economy Proceedings, *The Bucharest University of Economic Studies*, vol 5, 236-244.
3. Hadwiger, D. F., & Browne, W. P. (1978). The new politics of food. *American Political Science Review*, Volume 73 Issue 3.
4. Heckman, J. (2006). A history of organic farming: Transitions from Sir Albert Howard's "War in the Soil" to USDA National Organic Program. *Renewable Agriculture and Food Systems*, 143-150.
5. Hill, C., & Kubota, H. (2007). Thirty-five Years of Japanese Teikei. *Sharing the Harvest: A Citizen's Guide to Community Supported Agriculture*, 267-271.
6. Paull, J. (2013). A history of the organic agriculture movement in Australia. In *Organics in the global food chain* (pp. 37-61). Connor Court Publishing.
7. Paull, J. (2014). Lord Northbourne, the man who invented organic farming, a biography. *Journal of Organic Systems*, 9(1), 31-53.
8. Paull, J. (2019). Organic Agriculture in Australia: Attaining the global majority (51%). *Organic Agriculture in Australia: Attaining the Global Majority (51%)*, 5(2), 70-74.
9. Tüümer, S. (2015). *Organic farming development in China and Japan*. Doctoral dissertation, Uniwien.
10. Treadwell, D., Riddle, J., Barbercheck, M., Cavanaugh-Grant, D., & Zaborski, E. (2010). What is organic farming. Unpublished manuscript, Cooperative Extension System, University of Massachusetts, Amherst, MA. Online. <http://www.extension.org/article/18655>.
11. Vogl, C. R., & Darnhofer, I. (2004). Organic agriculture in Austria. *The organic standard*, (34), 2-5.
12. Willer, H., & Lernoud, J. (2016). *The world of organic agriculture. Statistics and emerging trends 2016*. Research Institute of Organic Agriculture FiBL and IFOAM Organics International.
13. Willer, H., & Lernoud, J. (2019). *The world of organic agriculture. Statistics and emerging trends 2019*. Research Institute of Organic Agriculture FiBL and IFOAM Organics International.
14. Willer, H., & Lernoud, J. (2021). *The world of organic agriculture: Statistics and emerging trends 2021*. Research Institute of Organic Agriculture FiBL and IFOAM Organics International.

15. Willer, H., & Schaack, D. (2015). Organic farming and market development in Europe. In *The World of Organic Agriculture. Statistics and Emerging Trends 2015* (pp. 174- 214). Research Institute of Organic Agriculture FiBL and IFOAM-Organics International.
16. Willer, H., Schaack, D., & Lernoud, J. (2019). Organic farming and market development in Europe and the European Union. In *The World of Organic Agriculture. Statistics and Emerging Trends 2019* (pp. 217-254). Research Institute of Organic Agriculture FiBL and IFOAM-Organics International.
17. Yokoi, Y. (2003). Organic agriculture in Japan: development of a labelling scheme and production policies. *Organic Agriculture: Sustainability, Markets and Policies*, 295.
18. Zander, K., Padel, S., & Zanolli, R. (2015). EU organic logo and its perception by consumers. *British Food Journal*.

Ngày nhận bài: 9/7/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 7/8/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 17/8/2022

Thông tin tác giả:

TRƯƠNG CÔNG GIÁP

Công ty cổ phần Tổng công ty Xây dựng Nghệ An

EXPERIENCES OF SOME COUNTRIES IN FACILITATING THE DEVELOPMENT OF ORGANIC AGRICULTURE AND LESSONS LEARNT FOR VIETNAM

● TRƯƠNG CÔNG GIÁP

Nghệ An Construction Corporation Joint Stock Company

ABSTRACT:

As more and more countries are moving towards sustainable development, organic agriculture has emerged as an agricultural development trend. This study is to draw lessons learned in the development of organic agriculture from some leading countries including France, Denmark, Germany, Australia, and Japan. There are four major lessons including (1) Building a clear policy system for organic agriculture, (2) Establishing mechanisms to support organic agricultural development of all parties; (3) Building production - consumption linkages for organic products; and (4) Expanding the domestic market for organic products through raising consumer awareness. This study introduces experiences of some countries in facilitating the development of organic agriculture.

Keywords: organic agriculture development, lessons learned, Vietnam.